

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

Số: 03/2022/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 20 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 82/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần A**

Địa chỉ: Số 210 Trần Quang K, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP A

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Bích T - Giám đốc Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Y.

Người được ủy quyền lại: Ông Nông Đức L - Trưởng phòng kinh doanh
Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Y.

Địa chỉ: Số 40 K, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn:

+ Ông **Lê Anh Q**

+ Bà **Nguyễn Thị V**

Cùng địa chỉ: Tổ 04, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về số tiền thanh toán:* Ông Lê Anh Q và bà Nguyễn Thị V xác nhận số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Y theo các Hợp đồng tín dụng (Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số HDTD2502019257 ngày 15/5/2019; Hợp đồng tín dụng số HDTD2502020102 ngày 13/02/2020; Hợp đồng tín dụng số TD2502018789 ngày 04/9/2018 và Hợp đồng tín dụng số HDTD25020181030 ngày 14/11/2018) tính đến ngày 12/01/2022 là 194.310.408đ (Một trăm chín mươi tư triệu ba trăm mười nghìn bốn trăm linh tám đồng). Trong đó:

+ Số tiền gốc còn lại đến ngày 12/01/2022 là: 194.310.408 đồng.

+ Số tiền lãi còn phải trả tính đến ngày 12/01/2022 là: 0 đồng.

- *Về nghĩa vụ thanh toán:* Các bên đương sự cùng thống nhất thỏa thuận ông Lê Anh Q và bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền nợ gốc là 194.310.408đ (Một trăm chín mươi tư triệu ba trăm mười nghìn bốn trăm linh tám đồng) và lãi phát sinh trên tổng số tiền nợ gốc 194.310.408 đồng theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên mà ông Lê Anh Q và bà Nguyễn Thị V đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần A.

- *Về phương thức và thời hạn thanh toán (trả nợ):* Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận trước ngày 31/3/2022 ông Lê Anh Q và bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ liên đới trả hết toàn bộ số tiền trên (bao gồm cả tiền vay gốc và toàn bộ tiền lãi).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng

cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

- Về án phí: Do các bên đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên các bên phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch các bên đương sự phải chịu là 4.860.000đ (*Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*). Mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.430.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) để sung công quỹ nhà nước. Cụ thể:

+ Ông Lê Anh Q và bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.430.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

+ Ngân hàng TMCP A phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.430.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) để sung công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 8.540.000 đồng (*Tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0003037 ngày 20/10/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cao Bằng, Cao Bằng. Xác nhận Ngân hàng TMCP A đã nộp đủ án phí và được hoàn lại số tiền 6.110.000đ (*Sáu triệu một trăm mười nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Cao Bằng;
- CC THADS TP Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(*đã ký*)

Lê Thúy Hằng